

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt giá dịch vụ qua cầu treo
do tỉnh Thái Nguyên quản lý

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Giá năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 4518/TTr-STC ngày 20 tháng 12 năm 2016; Báo cáo số 334/BC-STP ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá dịch vụ qua cầu treo do tỉnh Thái Nguyên quản lý, cụ thể như sau

1. Giá dịch vụ qua cầu treo

a) Giá dịch vụ qua cầu treo đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý (*Có Phụ lục I kèm theo Quyết định này*).

b) Giá tối đa dịch vụ qua cầu treo đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách do địa phương quản lý (*Có Phụ lục II kèm theo Quyết định này*).

Mức giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và áp dụng cho các cầu treo tại Khoản 2 Điều này.

2. Các cầu treo áp dụng giá dịch vụ qua cầu:

a) Cầu treo Sông Công, xã Vinh Sơn, thị xã Sông Công.

b) Cầu treo Hà Châu - Đồng Tân, xã Hà Châu, huyện Phú Bình.

c) Cầu treo Đồng Liên, xã Đồng Liên, huyện Phú Bình.

d) Cầu treo Sông Đào, xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ.

đ) Cầu treo Huống Thượng, xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ.

e) Cầu treo Văn Lăng, xã Văn Lăng, huyện Đồng Hỷ.

f) Cầu treo Tân Yên, xã Hòa Bình, huyện Đồng Hỷ.

- g) Cầu treo Thác Nhật, xã Minh Lập, huyện Đồng Hỷ.
- h) Cầu treo Làng Vòng, xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ.
- i) Cầu treo Bến Oánh (Dự án Cầu Ba Mỏ), phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên.
- j) Cầu treo Đát Ma, thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương.
- k) Cầu treo Bến Vạn, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên.
- l) Cầu treo Chã, xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên.

Điều 2. Đối tượng thu, nộp tiền khi qua cầu

1. Đối tượng áp dụng giá dịch vụ qua cầu treo: Là các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (các loại xe có gắn động cơ kể cả xe máy điện, trừ xe đạp điện) tham gia giao thông đường bộ (dưới đây gọi là phương tiện tham gia giao thông đường bộ).

2. Đối tượng nộp: Tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện tham gia giao thông cơ giới đường bộ khi đi qua cầu treo phải nộp tiền qua cầu theo quy định.

3. Đối tượng được miễn nộp tiền qua cầu gồm các trường hợp sau:

- a) Xe cứu thương, bao gồm cả các loại xe khác chở người bị tai nạn đến nơi cấp cứu.
- b) Xe cứu hoả.
- c) Xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp gồm: máy cày, máy bừa, máy xới, máy làm cỏ, máy tuốt lúa.
- d) Xe hộ đê; xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về chống lụt bão.
- đ) Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh.
- e) Xe, đoàn xe đưa tang; đoàn xe có xe hộ tống, dẫn đường.
- f) Xe làm nhiệm vụ vận chuyển thuốc men, máy móc, thiết bị, vật tư, hàng hoá đến những nơi bị thảm hoạ hoặc đến vùng có dịch bệnh.
- g) Phương tiện do người dân trực tiếp làm nông nghiệp ở khu vực giáp ranh hai bên đầu cầu treo khi đi qua cầu treo.

4. Tổ chức được thu tiền dịch vụ qua cầu treo:

a) Đối với cầu treo được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước: Các tổ chức, cá nhân được UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã ủy quyền thu tiền qua cầu treo với mức thu quy định tại Phụ lục I nêu trên.

Giao UBND các huyện, thành phố, thị xã lập dự toán thu, chi làm cơ sở để giao khoán cho tổ chức, cá nhân thu tiền dịch vụ qua cầu treo theo hình thức đấu thầu.

b) Đối với cầu treo đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách: Tổ chức, cá nhân, nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư, thu tiền hoàn vốn sau khi hoàn thành công trình thực hiện ký hợp đồng BOT với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Căn cứ mức thu tối đa quy định tại Phụ lục II nêu trên; tổ chức, cá nhân hoặc nhà đầu tư phê duyệt mức giá cụ thể, báo cáo UBND cấp huyện để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh đồng thời gửi Sở Tài chính giám sát thực hiện.

Điều 3. Quản lý giá dịch vụ qua cầu treo

1. Tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ thu tiền qua cầu treo có trách nhiệm: Niêm yết công khai mức giá, đối tượng được miễn, giảm; khi thu tiền phải phát hành vé có mệnh giá cho đối tượng nộp, đồng thời phải đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối với cầu treo đầu tư để kinh doanh theo hình thức BOT: Kết thúc giai đoạn kinh doanh theo hợp đồng hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhà đầu tư phải thực hiện chuyển giao cầu treo cho cơ quan nhà nước quản lý. Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý cầu phải thực hiện theo chế độ quy định đối với cầu treo đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với UBND các huyện, thành phố, thị xã và các ngành có liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

2. Cơ quan thuế phối hợp với chính quyền địa phương các cấp thường xuyên kiểm tra, rà soát việc chấp hành các quy định của pháp luật về thuế; hướng dẫn các đơn vị thực hiện kê khai nộp thuế, quyết toán thuế đối với doanh thu thu được theo quy định của Luật Quản lý thuế hiện hành.

3. Tổ chức, cá nhân vi phạm trong lĩnh vực quản lý giá sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Trách nhiệm thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị: Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT, TH, CNN.

Trình HQ, QĐ/T12, 35b

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Hồng Bắc

**MỨC GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHƯƠNG QUẢN LÝ**

(Kèm theo Quyết định số: 47/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá (đồng)
I	Mức giá theo lượt		
1	Xe mô tô 2 bánh, xe mô tô 2 bánh chở hàng, xe mô tô 3 bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự	Xe/lượt	2.000
2	Xe lam, xe xúc vật kéo	Xe/lượt	4.000
3	Xe ô tô dưới 12 chỗ ngồi	Xe/lượt	10.000
4	Xe ô tô từ 12 chỗ ngồi trở lên	Xe/lượt	12.000
5	Xe ô tô chở hàng hóa có trọng tải đến 2.0 tấn	Xe/lượt	12.000
6	Xe ô tô chở hàng hóa có trọng tải trên 2.0 tấn	Xe/lượt	15.000
II	Mức giá theo tháng		
1	Xe mô tô 2 bánh, xe mô tô 3 bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự	Xe/tháng	40.000
2	Xe ô tô dưới 12 chỗ ngồi, xe ô tô chở hàng đến 2.0 tấn	Xe/tháng	350.000
3	Xe ô tô từ 12 chỗ ngồi trở lên, xe ô tô chở hàng trên 2.0 tấn	Xe/tháng	500.000

Phụ lục II
MỨC GIÁ TỐI ĐA DỊCH VỤ QUA CẦU TREO ĐÀU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN
NGOÀI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ

(Kèm theo Quyết định số: *44* /2016/QĐ-UBND ngày *20* tháng 12 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá tối đa (đồng)
I	Mức giá theo lượt		
1	Xe mô tô 2 bánh	Xe/lượt	2.500
2	Xe mô tô 2 bánh chở hàng	Xe/lượt	3.500
3	Xe mô tô 3 bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự	Xe/lượt	2.500
4	Xe lam, xe xúc vật kéo	Xe/lượt	5.000
5	Xe ô tô dưới 12 chỗ ngồi	Xe/lượt	15.000
6	Xe ô tô từ 12 chỗ ngồi trở lên	Xe/lượt	20.000
7	Xe ô tô chở hàng hóa có trọng tải đến 2.0 tấn	Xe/lượt	20.000
8	Xe ô tô chở hàng hóa có trọng tải trên 2.0 tấn	Xe/lượt	25.000
II	Mức giá theo tháng		
1	Xe mô tô 2 bánh, xe mô tô 3 bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự	Xe/tháng	60.000
2	Xe ô tô dưới 12 chỗ ngồi, xe ô tô chở hàng đến 2.0 tấn	Xe/tháng	500.000
3	Xe ô tô từ 12 chỗ ngồi trở lên, xe ô tô chở hàng trên 2.0 tấn	Xe/tháng	600.000